

TÓM TẮT TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN VÀ HẢI VĂN THÁNG II NĂM 1997

Tình hình ít mưa, ít nắng và nền nhiệt độ xấp xỉ trung bình nhiều năm (TBNN) xảy ra ở hầu hết các nơi thuộc Bắc Bộ và Thanh Hóa.

Mức nước các sông trên phạm vi cả nước xấp xỉ TBNN.

I- TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG

1. Hiện tượng thời tiết đặc biệt

Không khí lạnh

Có hai đợt không khí lạnh ảnh hưởng trực tiếp đến Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ vào các ngày 3 và 13. Nhiệt độ sau 24h giảm từ 5 đến 7°C; gió đông bắc trên đất liền mạnh cấp 3, cấp 4, ngoài khơi cấp 6-cấp 7. Biển động mạnh. Trời rét kéo dài.

Ngoài ra còn một số đợt không khí lạnh tăng cường, trong đó có hai đợt tăng cường mạnh hơn cả xảy ra vào ngày 8 và 15.

Ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, do tác động của không khí lạnh, thời tiết rét kéo dài từ ngày 4 đến 20, trong đó có nhiều ngày rét đậm. Vùng đồng bằng, trung du Bắc Bộ và hai tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An có từ 5 đến 15 ngày rét đậm.

2. Tình hình nhiệt độ

Hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước có nền nhiệt độ xấp xỉ TBNN.

Nơi có nhiệt độ thấp nhất là Sa Pa (Lào Cai) : 4,0°C, xảy ra ngày 16.

Nơi có nhiệt độ cao nhất là Đông Phú (Bình Phước) : 35,9°C, xảy ra ngày 2.

3. Tình hình mưa

Số ngày có mưa phùn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ít hơn rõ rệt so với TBNN.

Hầu hết các nơi thuộc Nam Bộ, Tây Nguyên và từ Nghệ An đến Thừa Thiên-Huế có lượng mưa tháng cao hơn TBNN, còn các nơi khác thấp hơn.

Nơi có lượng mưa tháng cao nhất là Đắc Nông (Đắc Lắc): 288mm (+265mm).

Một số nơi thuộc Nam Trung Bộ cả tháng không mưa.

4. Tình hình nắng

Hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước có số giờ nắng thấp hơn TBNN.

Nơi có số giờ nắng cao nhất là Cheo Reo (Gia Lai) và Phan Rang (Ninh Thuận): 224 giờ.

Nơi có số giờ nắng thấp nhất là Phú Hộ (Phụ Thọ): 13giờ (-35 giờ).

Ảnh hưởng của thời tiết đến mùa màng

Ở các tỉnh Miền Bắc, vào 20 ngày đầu tháng tuy thời tiết có rét nhưng rét đậm không kéo dài và tập trung vào dịp nhà nông nghỉ tết Nguyên Đán nên mạ và lúa đã gieo cấy trước đó lại được giá. Cuối tháng II-1997, thời tiết ẩm, các địa phương đẩy nhanh tiến độ cấy lúa chiêm xuân và gieo trồng các cây màu vụ đông xuân.

Ở các tỉnh Miền Nam, thời tiết vẫn thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Lúa đông xuân sớm đã cho thu hoạch đạt năng suất khá.

II- TÌNH HÌNH THỦY VĂN

1. Ở Bắc Bộ

Mức nước các sông ít thay đổi, ngày cuối tháng, một số sông có lũ nhỏ.

- Trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang, mức nước cao nhất trong tháng: 16,42m (19h ngày 26), mức nước thấp nhất trong tháng : 16,10m (19h ngày 24).

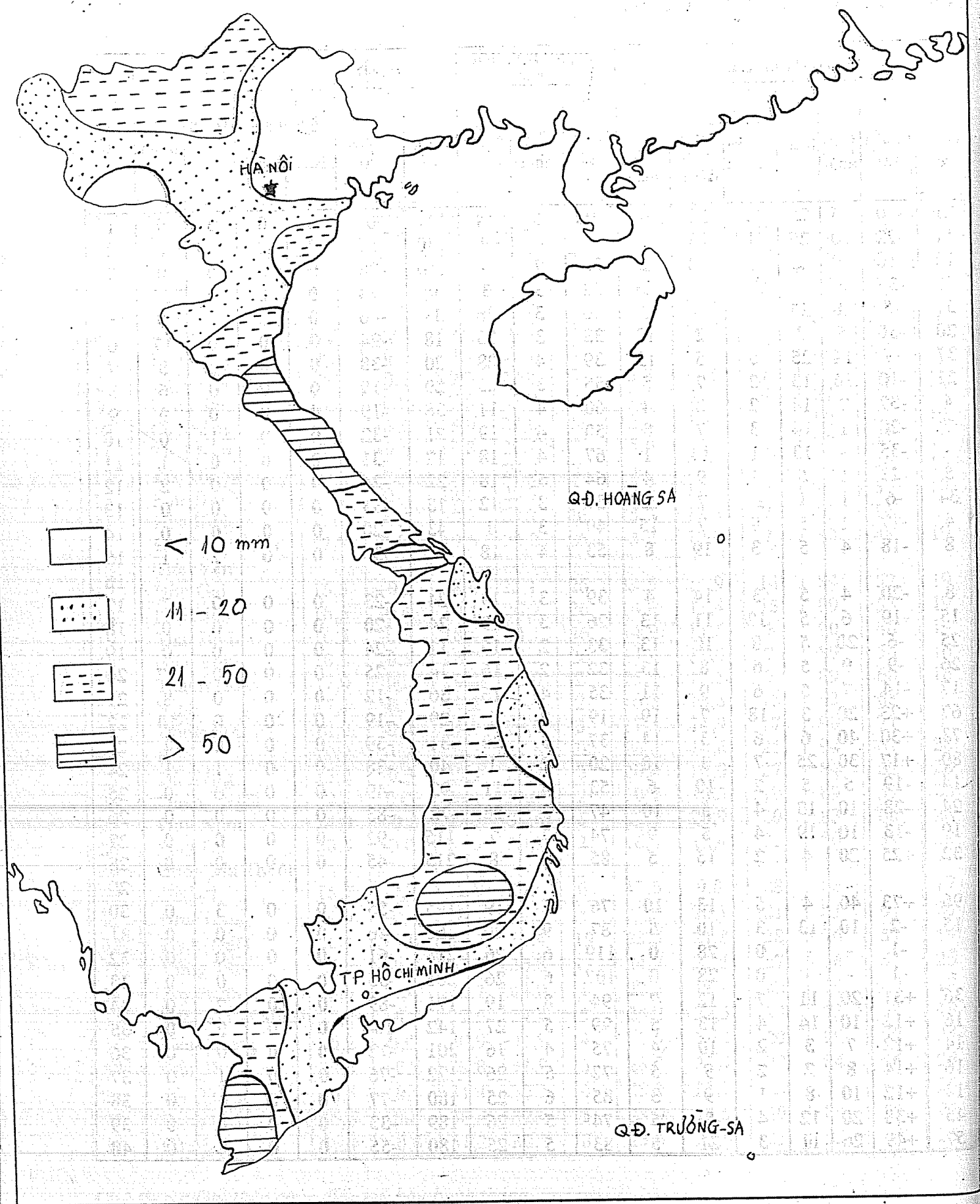
ĐẶC TRUNG MỘT SỐ YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG

Số thứ tự	TÊN TRẠM	NHIỆT ĐỘ (°C)								ĐỘ ẨM (%)		
		Trung bình	Chuẩn sai	Cao nhất			Thấp nhất			Trung bình	Thấp nhất	Ngày
				Trung bình	Tuyệt đối	Ngày	Trung bình	Tuyệt đối	Ngày			
1	Lai Châu	19,2	+0,4	25,7	30,2	7	15,2	11,6	4	79	61	3
2	Điện Biên	18,2	+0,6	25,3	29,0	28	13,7	10,4	9	80	37	2
3	Sơn La	16,2	-0,3	21,8	28,4	2	12,9	10,3	17	76	29	3
4	Sa Pa	8,4	-1,5	10,7	18,9	3	7,0	4,0	16	70	33	3
5	Lao Cai	17,3	+0,5	20,3	28,2	3	15,4	12,6	17	85	55	26
6	Yên Bái	16,5	0,0	19,0	26,5	3	14,7	11,7	15	89	63	19
7	Hà Giang	16,7	+0,1	19,7	27,1	3	14,9	12,7	16	86	53	16
8	Tuyên Quang	17,1	+0,2	19,7	27,8	3	15,3	12,5	7	81	52	11
9	Lạng Sơn	13,8	-0,5	17,5	26,9	26	11,6	8,1	6	82	49	19
10	Cao Bằng	14,6	-0,3	18,0	27,8	26	12,2	9,6	7	82	43	19
11	Thái Nguyên	17,0	+0,1	19,8	25,4	2	15,0	12,0	15	77	47	19
12	Bắc Giang	16,9	-0,2	19,5	25,5	26	15,1	11,7	7	80	49	16
13	Phú Thọ	16,8	-0,1	18,8	25,7	3	14,6	11,5	15	88	50	19
14	Hòa Bình	17,5	+0,1	20,4	26,0	26	15,3	12,3	7	85	56	1
15	Hà Nội (Láng)	17,0	0,0	19,6	26,2	26	15,2	12,0	7	80	48	19
16	Tiên Yên											
17	Hòn Gai	16,5	+0,2	18,6	23,1	26	14,5	11,9	14	84	52	19
18	Phù Liên	16,3	-0,4	19,1	26,2	26	14,6	11,4	15	89	53	19
19	Thái Bình	16,5	-0,3	18,4	24,1	26	14,9	11,5	7	90	48	19
20	Nam Định	16,8	-0,5	18,7	25,3	26	14,9	11,0	7	89	58	16
21	Thanh Hóa	17,0	-0,3	19,3	25,0	2	15,4	12,5	7	89	60	16
22	Vinh	17,4	-0,5	19,2	26,0	2	16,3	13,3	16	93	68	1
23	Đồng Hới	18,9	-0,4	21,0	26,0	3	17,5	14,9	17	90	71	1
24	Huế	19,7	-1,2	22,8	27,6	28	18,0	14,6	21	94	61	28
25	Đà Nẵng	22,2	-0,2	25,4	29,3	2	20,4	18,0	27	84	62	28
26	Quảng Ngãi	22,6	0,0	26,1	29,6	2	20,7	18,5	19	89	57	28
27	Quy Nhơn	24,0	+0,2	27,3	31,6	5	22,5	20,9	20	83	60	28
28	Plây-Cu	20,5	-0,2	27,3	29,9	2	16,5	12,4	21	80	39	28
29	Buôn Ma Thuột											
30	Đà Lạt	16,7	-0,7	22,8	24,4	6	12,5	9,8	28	83	39	17
31	Nha Trang	24,9	+0,4	28,1	30,3	4	22,6	20,1	21	81	61	20
32	Phan Thiết	26,2	+1,0	30,2	31,4	19	23,5	21,8	28	76	57	19
33	Vũng Tàu	26,6	+0,3	27,7	30,8	17	24,7	23,5	27	76	51	26
34	Tây Ninh	26,5	-0,4	32,7	34,0	1	22,5	19,9	22	74	40	19
35	T.P. Hồ Chí Minh	27,4	+0,7	32,6	34,4	5	24,2	22,3	20	73	43	19
36	Tiền Giang	26,2	0,0	30,9	31,9	4	23,5	21,5	20	80	52	24
37	Cần Thơ	26,3	+0,2	30,8	31,9	3	23,9	22,4	22	84	56	26
38	Sóc Trăng	26,3	+0,4	31,4	32,1	4	23,1	21,7	8	79	45	25
39	Rạch Giá	26,6	-0,4	30,4	32,4	5	23,9	22,5	20	84	57	26
40	Cà Mau	26,4	+0,6	31,2	32,7	8	23,6	22,6	21	82	49	25

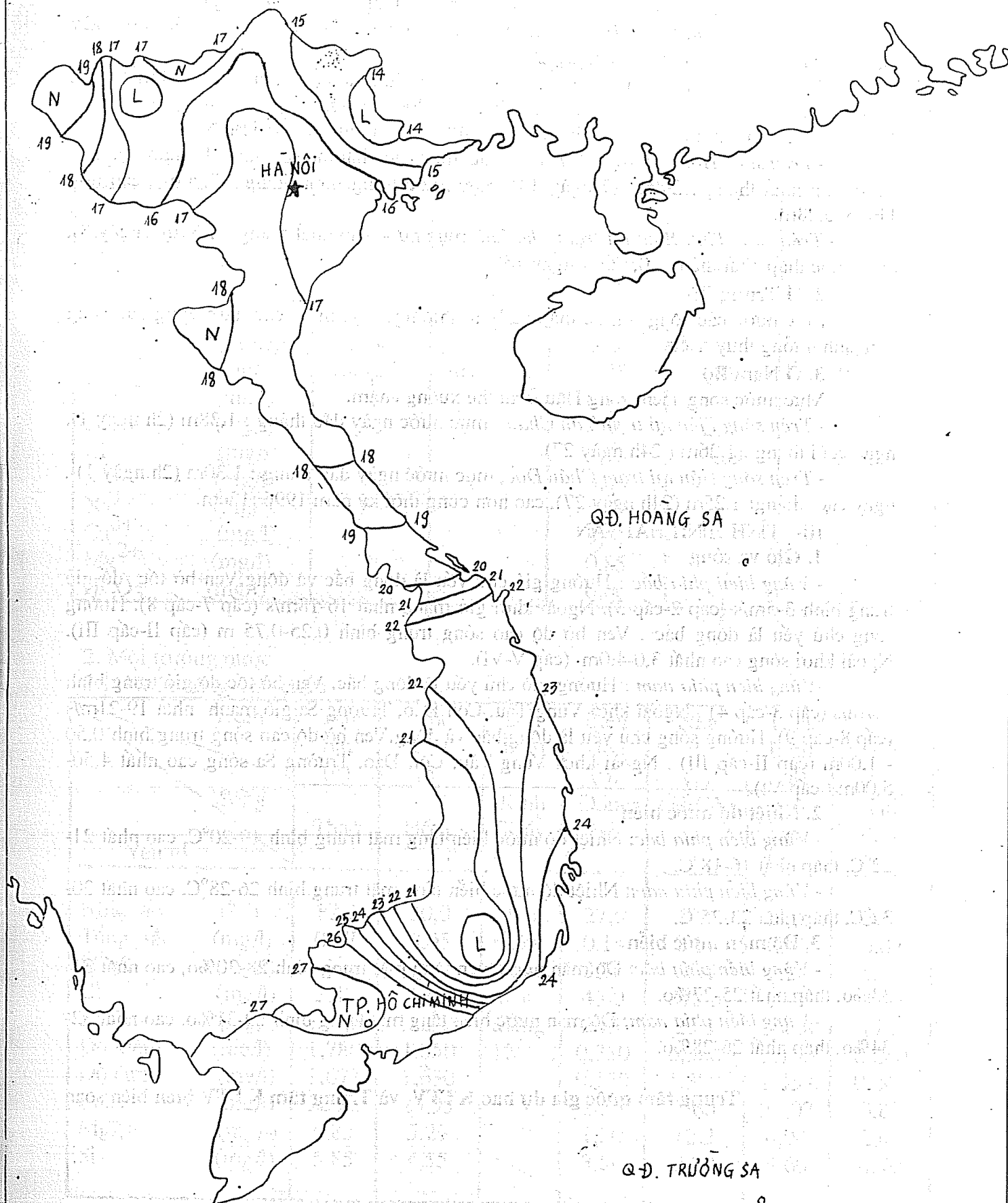
Chú thích: Ghi theo công điện khí hậu hàng tháng

CỦA CÁC TRẠM THÁNG II NĂM 1997

LƯỢNG MƯA (mm)							LƯỢNG BỐC HƠI (mm)			GIỜ NẮNG		SỐ NGÀY				Số thứ tự
Tổng số	Chuẩn sai	Cao nhất	Ngày	Số ngày liên tục		Số ngày có mưa	Tổng số	Cao nhất	Ngày	Tổng số	Chuẩn sai	Gió tây khô nóng		Đông	Mưa phùn	
				Có mưa dài nhất	Không mưa dài nhất							Nhẹ	Mạnh			
21	-20	15	25	2	22	4	100	6	14	141	-0	0	0	3	0	1
11	-22	10	25	1	23	1	79	4	9	140	-25	0	0	1	0	2
10	-16	10	25	1	18	2	82	7	3	110	-28	0	0	0	0	3
42	-37	6	1	21	1	25	32	3	3	38	-74	0	0	2	22	4
31	-5	10	25	5	8	8	46	3	26	31	-46	0	0	1	0	5
20	-30	5	3	7	2	19	33	3	23	18	-24	0	0	0	17	6
37	-7	14	25	5	5	13	39	4	28	20	-38	0	0	0	3	7
22	-10	16	13	2	7	5	55	3	23	29	-19	0	0	0	6	8
4	-37	2	14	2	8	4	60	4	11	38	-19	0	0	0	9	9
7	-20	1	14	3	7	8	50	4	19	21	-32	0	0	1	0	10
-	-35	-	13	1	14	1	67	4	18	17	-31	0	0	0	1	11
5	-23	1	5	1	9	4	64	5	18	22	-24	0	0	0	2	12
34	-6	1	1	11	7	15	37	3	12	13	-35	0	0	0	0	13
4	-17	1	5	8	7	15	49	3	1	43	-20	0	0	0	0	14
8	-18	4	5	3	19	8	53	4	18	15	-30	0	0	2	1	15
8	-20	4	5	3	14	4	39	3	19	24	-23	0	0	0	7	16
15	-19	6	5	12	11	13	26	3	19	24	-20	0	0	0	0	17
25	-6	20	5	8	10	13	33	2	16	11	-24	0	0	0	0	18
26	-9	9	5	6	8	13	32	2	16	14	-25	0	0	0	17	19
17	-14	7	5	6	9	11	35	4	16	36	-12	0	0	0	8	20
67	+23	20	3	18	7	19	19	2	1	29	-19	0	0	0	10	21
73	+30	40	6	6	3	14	37	3	20	31	-39	0	0	0	4	22
80	+17	30	25	7	3	18	20	2	1	40	-38	0	0	1	1	23
14	-19	5	5	2	10	6	53	4	11	93	-49	0	0	0	0	24
24	-28	10	13	4	5	10	47	3	28	72	-83	0	0	0	0	25
19	-13	10	19	4	5	9	74	3	7	115	-92	0	0	0	0	26
32	+25	20	4	2	15	5	85	5	8	215	-45	0	0	0	0	27
96	+73	40	4	5	13	10	76	6	19	195	-55	0	0	3	0	28
15	-2	10	13	3	10	5	87	9	20	156	-46	0	0	0	0	29
-	-1	-	-	0	28	0	119	6	26	218	-61	0	0	0	0	30
-	-1	-	-	0	28	0	107	6	26	206	-55	0	0	0	0	31
36	+31	20	11	7	12	7	94	8	19	171	-89	0	0	2	0	32
16	+12	10	14	4	13	5	99	5	27	142	-104	0	0	2	0	33
14	+12	7	3	2	10	4	75	4	16	201	-72	0	0	0	0	34
16	+14	8	2	2	9	5	72	5	26	172	-76	0	0	1	0	35
14	+12	10	8	1	9	3	85	6	25	180	-77	0	0	1	0	36
45	+38	20	12	4	8	5	74	5	26	189	-33	0	0	0	0	37
57	+49	26	11	3	21	5	83	5	25	180	-55	0	0	2	0	38
																39
																40



Hình 1. Bản đồ lượng mưa tháng II năm 1997



Hình 2. Bản đồ nhiệt độ trung bình tháng II năm 1997

- Trên sông Thao tại trạm Yên Bái, mực nước cao nhất trong tháng: 26,94m (19h ngày 26), biên độ lũ lên 1m, mực nước thấp nhất trong tháng : 25,81m (7h ngày 11).

- Trên sông Đà tại hồ Hòa Bình, mực nước hồ ngày đầu tháng : 113,05m (7h ngày 1), ngày cuối tháng: 108,18m (7h ngày 28) .

Lưu lượng xả nhỏ nhất: 300m³/s (13h ngày 9), lưu lượng xả lớn nhất : 988m³/s (19h ngày 13), lưu lượng đến hồ lớn nhất trong tháng : 620m³/s (ngày 23), lưu lượng nhỏ nhất : 372m³/s (ngày 21), lưu lượng trung bình tháng : 480m³/s ở mức xấp xỉ TBNN .

- Trên sông Hồng tại trạm Hà Nội, mực nước cao nhất tháng : 3,38 (19 ngày 1), mực nước thấp nhất tháng : 2,86m (7 ngày 13), mực nước trung bình tháng : 3,20m , cao hơn TBNN 0,28m.

- Trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại, mực nước cao nhất tháng : 1,31m (ngày 8), mực nước thấp nhất tháng : 0,42m (ngày 15).

2. Ở Trung Bộ

Mực nước các sông ở mức thấp và bình thường, mực nước các trạm vùng cửa sông chịu ảnh hưởng thủy triều.

3. Ở Nam Bộ

Mực nước sông Tiền, sông Hậu ở xu thế xuống chậm.

- Trên sông Tiền tại trạm Tân Châu , mực nước ngày đầu tháng : 1,38m (2h ngày 1), ngày cuối tháng : 1,26m (24h ngày 27).

- Trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc, mực nước ngày đầu tháng : 1,30m (2h ngày 1) , ngày cuối tháng: 1,25m (24h ngày 27), cao hơn cùng thời kỳ năm 1996 :12cm.

III- TÌNH HÌNH HẢI VẤN

1. Gió và sóng

- Vùng biển phía bắc : Hướng gió chủ yếu là đông bắc và đông. Ven bờ tốc độ gió trung bình 3-5m/s (cấp 2-cấp 3). Ngoài khơi gió mạnh nhất 16-18m/s (cấp 7-cấp 8). Hướng sóng chủ yếu là đông bắc . Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,25-0,75 m (cấp II-cấp III). Ngoài khơi sóng cao nhất 3,0-4,0m (cấp V-VI).

- Vùng biển phía nam : Hướng gió chủ yếu là đông bắc. Ven bờ tốc độ gió trung bình 5-7m/s (cấp 3-cấp 4) . Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa gió mạnh nhất 19-21m/s (cấp 8-cấp 9). Hướng sóng chủ yếu là đông bắc và đông. Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,50 - 1,00m (cấp II-cấp III) . Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa sóng cao nhất 4,50-5,00m (cấp VI).

2. Nhiệt độ nước biển

- Vùng biển phía bắc: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 19-20°C, cao nhất 21-22°C, thấp nhất 16-18°C.

- Vùng biển phía nam: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 26-28°C, cao nhất 30-32°C, thấp nhất 23-25°C.

3. Độ mặn nước biển

- Vùng biển phía bắc: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 28-30‰, cao nhất 31-33‰, thấp nhất 25-27‰.

- Vùng biển phía nam: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 29-31‰, cao nhất 32-34‰, thấp nhất 26-28‰.

Trung tâm quốc gia dự báo KTTV và Trung tâm KTTV biển biên soạn